



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1801116600 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 3 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 03 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
- Điện thoại : +84 (0292) 388 1690 – 388 0868
- Fax : +84 (0292) 388 1690

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Cấp nước Cần Thơ 2	Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cấp nước số 2	Số 9Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cấp nước Bình Thủy	Số 205 Bùi Hữu Nghĩa, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Chiến Công	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Mai Song Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Thạc Hoát	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Thế Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng Lâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Hồng Oanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2022

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Phạm Đình Huân	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Thái	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2020
Bà Lê Thùy Ngân	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 02 năm 2016
Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 03 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trần Thanh Phong
Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2023



Số: 1.0263/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2023, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2021 Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. Nếu Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% cho năm 2021 thì thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp sẽ tăng thêm và do đó làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 giảm đi 1.364.268.711 VND. Đồng thời, trên Bảng cân đối kế toán chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” (mã số 421) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ giảm đi với cùng số tiền là 1.364.268.711 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 02 tháng 3 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C




Nguyễn Chí Dũng

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2023-008-1

Người được ủy quyền


Phạm Hoa Đăng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0954-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.840.962.611	22.183.676.995
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.077.311.872	4.128.107.642
1. Tiền	111	V.1	2.077.311.872	4.128.107.642
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.436.886.808	5.165.928.228
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.532.274.108	2.533.116.723
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.101.097.941	2.476.041.325
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	46.400.000	156.770.180
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(242.885.241)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		9.037.136.855	10.131.971.514
1. Hàng tồn kho	141	V.6	9.037.136.855	10.131.971.514
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.289.627.076	2.757.669.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	84.562.193	373.439.543
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.205.064.883	1.438.616.388
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	-	945.613.680
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.917.476.173	202.145.573.948
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.869.300	37.869.300
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		37.869.300	37.869.300
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		193.941.283.971	181.732.418.082
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	193.885.053.674	181.591.842.329
- Nguyên giá	222		522.958.894.902	484.136.146.495
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(329.073.841.228)	(302.544.304.166)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	56.230.297	140.575.753
- Nguyên giá	228		640.127.273	640.127.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(583.896.976)	(499.551.520)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		19.591.792.756	19.871.018.509
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	19.591.792.756	19.871.018.509
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		346.530.146	504.268.057
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	346.530.146	504.268.057
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		228.758.438.784	224.329.250.943

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		73.090.771.705	71.152.368.282,
I. Nợ ngắn hạn	310		30.268.975.196	37.026.138.328
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.294.870.743	10.267.708.058
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		150.294.544	189.447.306
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	2.107.633.659	988.492.344
4. Phải trả người lao động	314	V.13	1.661.097.985	2.471.911.347
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.401.073	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a, c	1.626.930.073	60.378.868
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a, c	17.001.386.618	18.448.843.758
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	3.423.360.501	4.599.356.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		42.821.796.509	34.126.229.954
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b, c	3.027.509.064	6.252.509.064
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b, c	39.794.287.445	27.873.720.890
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		155.667.667.079	153.176.882.661
I. Vốn chủ sở hữu	410		155.667.667.079	153.176.882.661
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	21.306.577.003	16.474.639.051
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	16.627.930.076	18.969.083.610
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.554.386.320	18.969.083.610
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.073.543.756	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		228.758.438.784	224.329.250.943

Cần Thơ, ngày 27 tháng 02 năm 2023


 Nguyễn Phương Thảo
 Người lập


 Lê Thùy Ngân
 Kế toán trưởng




 Trần Thanh Phong
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	102.598.933.715	96.197.640.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.389.904	3.121.383
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		102.594.543.811	96.194.519.576
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	64.432.176.376	57.359.608.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.162.367.435	38.834.911.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.756.262	22.721.393
7. Chi phí tài chính	22		3.435.747.634	3.289.943.885
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.435.747.634	3.289.943.885
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.682.751.936	1.012.727.724
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.099.078.896	14.889.898.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.952.545.231	19.665.062.365
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.518.270.309	1.041.673.569
12. Chi phí khác	32	VI.8	414.980.676	183.266.004
13. Lợi nhuận khác	40		3.103.289.633	858.407.565
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.055.834.864	20.523.469.930
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	3.982.291.108	1.554.386.320
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.073.543.756	18.969.083.610


Nguyễn Phương Thảo
Người lập


Lê Thùy Ngân
Kế toán trưởng

Cần Thơ, ngày 27 tháng 02 năm 2023



Trần Thanh Phong
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.055.834.864	20.523.469.930
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	26.613.882.518	22.845.601.906
- Các khoản dự phòng	03	V.5	242.885.241	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(7.756.262)	(22.721.393)
- Chi phí lãi vay	06		3.435.747.634	3.289.943.885
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.340.593.995	46.636.294.328
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.665.321.364	(672.129.330)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.094.834.659	1.035.709.716
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.841.000.954)	12.755.250.436
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		446.615.261	490.194.591
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.435.747.634)	(3.289.943.885)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(1.500.000.000)	(3.137.556.326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(5.752.900.604)	(5.605.750.916)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		34.017.716.087	48.212.068.614
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(38.543.522.654)	(34.027.133.935)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	7.756.262	22.721.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.535.766.392)	(34.004.412.542)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C, Cách Mạng Tháng 8, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15a, b	47.969.198.134	31.037.699.672
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15a, b	(37.496.088.719)	(33.961.994.978)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17a	(8.005.854.880)	(12.176.616.120)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>2.467.254.535</u>	<u>(15.100.911.426)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.050.795.770)	(893.255.354)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.128.107.642	5.021.362.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>2.077.311.872</u>	<u>4.128.107.642</u>

Cần Thơ, ngày 27 tháng 02 năm 2023


Nguyễn Phương Thảo
Người lập


Lê Thùy Ngân
Kế toán trưởng


Trần Thanh Phong
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Cấp nước Cần Thơ 2	Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cấp nước số 2	Số 9Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cấp nước Bình Thủy	Số 205 đường Bùi Hữu Nghĩa, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 168 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 169 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ. Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	36.730.888	22.259.430
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.040.580.984	4.105.848.212
Cộng	2.077.311.872	4.128.107.642

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng cung cấp nước	1.289.388.867	2.290.231.482
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	242.885.241	242.885.241
Cộng	1.532.274.108	2.533.116.723

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khai Sáng	784.509.517	945.923.389
Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	-	838.320.211
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát	-	417.900.000
Công ty TNHH MTV Best Solutions	206.250.000	137.500.000
Các nhà cung cấp khác	110.338.424	136.397.725
Cộng	<u>1.101.097.941</u>	<u>2.476.041.325</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

Các khoản tạm ứng.

5. Nợ xấu

Công ty có khoản nợ phải thu Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện đã quá hạn trên 3 năm và đã được trích lập dự phòng 100%.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung	242.885.241	-
Số cuối năm	<u>242.885.241</u>	<u>-</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	8.924.136.356	-	10.110.641.416	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	113.000.499	-	21.330.098	-
Cộng	<u>9.037.136.855</u>	<u>-</u>	<u>10.131.971.514</u>	<u>-</u>

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	26.062.193	348.939.543
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	58.500.000	24.500.000
Cộng	<u>84.562.193</u>	<u>373.439.543</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	256.479.979	244.474.219
Các chi phí trả trước dài hạn khác	90.050.167	259.793.838
Cộng	<u>346.530.146</u>	<u>504.268.057</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	124.340.016.507	114.464.817.151	229.166.350.257	16.164.962.580	484.136.146.495
Mua trong năm	-	15.158.920.000	501.100.000	2.181.681.236	17.841.701.236
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	20.456.692.792	524.354.379	20.981.047.171
Số cuối năm	124.340.016.507	129.623.737.151	250.124.143.049	18.870.998.195	522.958.894.902
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	88.080.340.291	83.103.160.753	15.137.274.511	6.257.352.457	192.578.128.012
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	102.219.747.904	95.591.085.039	94.579.936.432	10.153.534.791	302.544.304.166
Khấu hao trong năm	3.504.699.379	4.568.107.353	15.513.904.709	2.942.825.621	26.529.537.062
Số cuối năm	105.724.447.283	100.159.192.392	110.093.841.141	13.096.360.412	329.073.841.228
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	22.120.268.603	18.873.732.112	134.586.413.825	6.011.427.789	181.591.842.329
Số cuối năm	18.615.569.224	29.464.544.759	140.030.301.908	5.774.637.783	193.885.053.674
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 79.081.511.559 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (xem thuyết minh số V.15a và V.15b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm máy tính
Nguyên giá	
Số đầu năm	640.127.273
Số cuối năm	640.127.273
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	218.400.000
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	499.551.520
Khấu hao trong năm	84.345.456
Số cuối năm	583.896.976
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	140.575.753
Số cuối năm	56.230.297
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	18.469.888.796	20.671.017.031	(20.981.047.171)	(1.012.195.922)	17.147.662.734
Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2022 - MR1; tại Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ	-	2.462.288.760	-	-	2.462.288.760
Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR2; tại Phường Trà An, Phường Long Hòa, Phường Long Xuyên, Quận. Bình Thủy, TP. Cần Thơ	448.348.943	2.351.759.995	-	-	2.800.108.938
Các công trình khác	18.021.539.853	15.856.968.276	(20.981.047.171)	(1.012.195.922)	11.885.265.036
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.401.129.713	1.055.102.414	-	(12.102.105)	2.444.130.022
Cộng	19.871.018.509	21.726.119.445	(20.981.047.171)	(1.024.298.027)	19.591.792.756

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 629.031.893 VND (năm trước là 501.147.071 VND).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	1.904.560.000	734.239.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	951.124.836	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	667.440.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Bảo Gia	-	1.654.406.758
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	318.422.090	4.784.645.258
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	-	2.294.589.000
Các nhà cung cấp khác	453.323.817	799.828.042
Cộng	4.294.870.743	10.267.708.058

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	945.613.680	3.982.291.108	(1.500.000.000)	1.536.677.428	-
Thuế thu nhập cá nhân	180.893.619	-	516.168.739	(605.968.248)	91.094.110	-
Thuế tài nguyên	389.464.860	-	734.347.520	(1.063.068.060)	60.744.320	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	418.133.865	-	5.493.505.339	(5.492.521.403)	419.117.801	-
Cộng	988.492.344	945.613.680	10.731.312.706	(8.666.557.711)	2.107.633.659	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch : 5%
- Cung cấp dịch vụ khác
 - Từ ngày 01/01/2022 đến 31/01/2022 : 10%
 - Từ ngày 01/02/2022 đến 31/12/2022 (áp dụng theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ) : 08 hoặc 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2021, Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% cho thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sạch do đáp ứng loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực môi trường.

Năm 2022, Công ty áp dụng thuế suất 20% cho toàn bộ thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.055.834.864	20.523.469.930
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	855.620.676	324.066.004
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu/tính thuế	19.911.455.540	20.847.535.934
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng thuế suất 10%	-	19.489.553.013
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế suất	19.911.455.540	1.357.982.921
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.982.291.108	4.169.507.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(1.948.955.301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm ⁽¹⁾	-	(666.165.566)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.982.291.108	1.554.386.320

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt dùng cho sản xuất nước sạch với mức thuế suất 1%.

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty thực hiện thu phí nước thải sinh hoạt theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ về việc ban hành mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Mức phí nước thải công nghiệp nộp theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Cần Thơ.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

14. Phải trả khác

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam	730.179.320	-
Tiền tài trợ dự án Hà Lan	840.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	56.750.753	60.378.868
Cộng	<u>1.626.930.073</u>	<u>60.378.868</u>

14b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền bồi thường công trình nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 1), Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	2.156.361.000	2.156.361.000
Tiền bồi thường công trình cải tạo Rạch Cái Sơn - Mương Khai ⁽ⁱⁱ⁾	871.148.064	871.148.064
Tiền tài trợ dự án Hà Lan	-	3.225.000.000
Cộng	<u>3.027.509.064</u>	<u>6.252.509.064</u>

- (i) Khoản tiền được bồi thường do ảnh hưởng dự án nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 1) - Hạng mục di dời hệ thống cấp nước Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản tiền được bồi thường, hỗ trợ di dời tuyến ống cấp nước sinh hoạt D110 HDPE ảnh hưởng phạm vi thi công - Hạng mục "Xây dựng bờ kè cho rạch Cái Sơn, Mương Khai tại Phường Long Tuyền, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Công việc di dời các tuyến hệ thống cấp nước trên chưa hoàn thành.

14c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15. Vay

15a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	10.383.721.080	9.870.215.686
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.15b) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	6.617.665.538	8.578.628.072
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	4.091.819.814	3.050.628.072
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	2.525.845.724	5.528.000.000
Cộng	17.001.386.618	18.448.843.758

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh theo Hợp đồng tín dụng số 063/2022-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 14 tháng 7 năm 2022 với hạn mức 12.000.000.000 VND, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, tổng hạn mức 12 tỷ VND, trong thời gian 12 tháng bổ sung nguồn vốn vay ngắn hạn.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.870.215.686	20.108.459.548	-	(19.594.954.154)	10.383.721.080
Vay dài hạn đến hạn trả	8.578.628.072	-	6.617.665.538	(8.578.628.072)	6.617.665.538
Cộng	18.448.843.758	20.108.459.548	6.617.665.538	(28.173.582.226)	17.001.386.618

15b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾	18.685.548.286	16.533.075.166
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾	21.108.739.159	11.340.645.724
Cộng	39.794.287.445	27.873.720.890

- (i) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 40/KHDN/2017 ngày 31 tháng 3 năm 2017 với hạn mức 8.200.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để đầu tư nâng cấp cải tạo tỉnh lộ 918 (GĐ2) - Tuyến ống cấp nước D.300 gang và HDPE từ Km5+404 đến Km9+922 tỉnh lộ 918, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 42/2017/HĐCVĐAT/NHCT820-CNCT2 ngày 14 tháng 8 năm 2017 với hạn mức 3.650.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để bù đắp vốn tự có đầu tư dự án trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2;
- Hợp đồng 090201/2018-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 02 năm 2018 với hạn mức 7.100.000.000 VND, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, trong thời gian 60 tháng để thi công đào lắp đặt tuyến ống cấp nước D.300 gang và D.315 HDPE tại đường Đinh Công Chánh - Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cầu Bình Thủy 3, Phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
- Hợp đồng số 044/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 6 năm 2019 với hạn mức 4.700.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện đầu tư dự án nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2019 NCCT-1 tại Quận Ninh Kiều và Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
- Hợp đồng số 061/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ ngày 15 tháng 7 năm 2019 với hạn mức 3.000.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện mua Đồng hồ đo nước theo kế hoạch đầu tư năm 2019;
- Hợp đồng số 072/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20 tháng 8 năm 2019 với hạn mức 2.900.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện đầu tư dự án nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2019 NCCT-2 tại Quận Ninh Kiều và Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
- Hợp đồng số 085/2019-HĐCVĐADT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 16 tháng 9 năm 2019 với hạn mức 650.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện đầu tư dự án Lưới chắn rác trạm bơm cấp 1 Rạch Khai Luông;
- Hợp đồng số 091/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 19 tháng 9 năm 2019 với hạn mức 2.370.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện mua sắm vật tư sửa chữa hệ thống cấp nước;
- Hợp đồng số 095/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 10 năm 2019 với hạn mức 1.645.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua máy bơm trực đứng 75KW và đồng hồ siêu âm cầm tay;
- Hợp đồng số 078/2019-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 11 tháng 12 năm 2019 với hạn mức 1.100.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện công trình mở rộng văn phòng và xây dựng nhà kho lưu trữ Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2;
- Hợp đồng số 057/2020-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 18 tháng 6 năm 2020 với hạn mức 4.000.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua các đồng hồ đo nước theo Kế hoạch đầu tư Xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05 tháng 12 năm 2019;
- Hợp đồng số 088/2020-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 8 năm 2020 với hạn mức 6.950.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thực hiện đầu tư dự án công trình gói thầu mở rộng nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2020 tại Quận Ninh Kiều và Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
- Hợp đồng số 089/2020-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 8 năm 2020 với hạn mức 5.140.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua sắm vật tư sửa chữa mạng lưới cấp nước theo Kế hoạch đầu tư Xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05 tháng 12 năm 2019;
- Hợp đồng số 090/2020-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 8 năm 2020 với hạn mức 1.706.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua các đồng hồ đo nước và bơm tuabin trực đứng 110Kw theo Hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty TNHH TM- DV-KT Đức Hùng số 103/HĐKT-20 ngày 06 tháng 7 năm 2020;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 099/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13 tháng 11 năm 2020 với hạn mức 1.436.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua máy bơm nước 75Kw theo Kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05 tháng 12 năm 2019;
- Hợp đồng số 122/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13 tháng 11 năm 2020 với hạn mức 600.000.000 VND, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua sắm bàn ghế làm việc, quầy tiếp khách hàng theo Kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05 tháng 12 năm 2019;
- Hợp đồng số 070/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30 tháng 8 năm 2021 với hạn mức 2.499.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn vay là 60 tháng để thanh toán chi phí thi công Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 -MR1 tại Quận Bình Thủy. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 064/2021/HĐBĐ/NHCTT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2;
- Hợp đồng số 071/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30 tháng 8 năm 2021 với hạn mức 2.354.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần, thời hạn vay 36 tháng để thanh toán chi phí thực hiện công trình Tu bổ sửa chữa nhà máy nước Cần Thơ 2 - Thay vật liệu cụm lọc, cụm 40.000 m³/ngày đêm và cụm 10.000 m³/ngày đêm, sơn lan can cầu dẫn, sơn ống công nghệ D.600, D.300. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 065/2021/HĐBĐ/ NHCTT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2;
- Hợp đồng số 109/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 31 tháng 12 năm 2021 với hạn mức 1.931.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để mua sắm đồng hồ đo nước theo Kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2021;
- Hợp đồng số 110/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 31 tháng 12 năm 2021 với hạn mức 2.128.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua sắm máy bơm 160Kw theo Kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2021;
- Hợp đồng số 09/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26 tháng 01 năm 2022 với hạn mức 608.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn 36 tháng để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo Kế hoạch năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp số 011/2021/HĐBĐ/NHCT820-CÔNG TY CP CAP NUOC CAN THO 2;
- Hợp đồng số 064/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20 tháng 7 năm 2022 với hạn mức 5.285.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 8,2%/năm để thanh toán chi phí thực hiện đầu tư dự án công trình cải tạo Nhà máy nước Cần Thơ 2. Tài sản đảm bảo là Công trình cải tạo nhà máy nước Cần Thơ 2 tại số 366C đường Cách mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ theo Hợp đồng thế chấp số 069/2021/HĐBĐ/NHCT820-CÔNG TY CP CAP NUOC CAN THO 2;
- Hợp đồng số 063/2022-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 14 tháng 7 năm 2022 với hạn mức 12.000.000.000 VND, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, tổng hạn mức 12 tỷ VND, trong thời gian 12 tháng bổ sung nguồn vốn vay ngắn hạn;
- Hợp đồng số 077/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26 tháng 8 năm 2022 với hạn mức 1.486.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo kế hoạch năm 2022. Tài sản thế chấp là vật tư và đồng hồ DN15 theo Kế hoạch Đầu tư năm 2022 theo Hợp đồng thế chấp số 076/2021/HĐBĐ/NHCT820-CÔNG TY CP CAP NUOC CAN THO 2;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 099/2022-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 23 tháng 11 năm 2022 với hạn mức 4.070.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thi công công trình Cải tạo ống thông bê 4.000 m³, địa điểm 366C đường Cách mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp số 108/2022/HĐBBĐ/ NHCT820-CÔNG TY CP CAP NUOC CAN THO 2;
 - Hợp đồng số 100/2022-HĐCVĐADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 12 năm 2022 với hạn mức 7.236.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo Kế hoạch 2022. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được quy định tại Hợp đồng thế chấp số 109/2022/HĐBBĐ/ NHCT820-CÔNG TY CP CAP NUOC CAN THO 2.
- (ii) Các khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng số 03/2018/VCBCT ngày 31 tháng 01 năm 2018 MRMLCN CP Cấp nước Cần Thơ 2 - LD tuyến ống cấp nước D.300 gang, D.315 và D.110 HDPE - Bên trái đường Võ Văn Kiệt Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ, Phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ với hạn mức 6.900.000.000 VND, trong thời gian 60 tháng, với lãi suất theo từng lần nhận nợ;
 - Hợp đồng số 09/DN/TDH/2018 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với hạn mức 2.300.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để mua sắm Bơm ly tâm trục đứng loại tuốc bin - Ý (gồm đầu kéo, guồng, bơm và motor trục đứng chuyên dùng);
 - Hợp đồng số 126/DN/TDH 2018 ngày 16 tháng 10 năm 2018 với hạn mức 9.316.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng và HĐ số 55/DN/TDH/2020 ngày 16 tháng 4 năm 2020 với hạn mức 3.822.154.276, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để xây dựng công trình Trạm bơm Long Hòa - Bể chứa nước sạch 3.000 m³/ngày đêm;
 - Hợp đồng số 86/DN/TDH/2020 ngày 27 tháng 8 năm 2020 với hạn mức 3.615.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ để mua sắm hàng hóa thuộc hạng mục: Mua theo Kế hoạch Đầu tư Xây dựng năm 2020;
 - Hợp đồng số 07/DN/TDH/2021 ngày 19 tháng 01 năm 2021 với hạn mức 8.255.000.000 VND, thời hạn vay 84 tháng với lãi suất vay trong 02 năm đầu tiên là 7,8%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm để thi công công trình Tuyến ống D300 gang và D110 HDPE bên trái đường Vành Đai sân bay và tuyến ống D.315, D.110 và D.63 HDPE tính lộ 918 - đoạn từ Km12+263 đến KM14+573 - xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và bất động sản được quy định cụ thể trong hợp đồng vay;
 - Hợp đồng số 89/DN/TDH/2021 ngày 13 tháng 8 năm 2021 với hạn mức 3.600.000.000 VND, thời hạn vay 84 tháng với lãi suất vay trong 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D630 HDPE xi phông qua sông Bình Thủy. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 91/DN/BD/2021 ký ngày 09 tháng 8 năm 2021;
 - Hợp đồng số 105/DN/TDH/2021 ngày 21 tháng 10 năm 2021 với hạn mức 3.080.000.000 VND, vay thi công công trình Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR2 tại Q.BT, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 98/DN/BD/2021 ký ngày 31 tháng 8 năm 2021;
 - Hợp đồng số 108/DN/TDH/2021 ngày 29 tháng 10 năm 2021 với hạn mức 1.100.000.000 VND, để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE băng lộ của đường nối giữa đường Cách mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 123/DN/BD/2021 ký ngày 27 tháng 10 năm 2021;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 109/DN/TDH/2021 ngày 29 tháng 10 năm 2021 với hạn mức 719.000.000 VND, để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE băng lộ dự phòng của đường nối giữa đường Cách mạng Tháng Tám- đường tỉnh 918. Nút giao VVK với đường nối giữa đường Cách mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918, Q.BT (bên trái) - ML06/21. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 124/DN/BD/2021 ký ngày 27 tháng 10 năm 2021;
- Hợp đồng số 03/DN/TDH/2022 ngày 14 tháng 01 năm 2022 với hạn mức 8.540.000.000 VND, vay để thanh toán các chi phí đầu tư máy móc thiết bị theo Kế hoạch năm 2021 (Máy phát điện), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 02 năm đầu tiên là 7,3%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 151/DN/BD/2022;
- Hợp đồng số 22/DN/TDH/2022 ngày 21 tháng 3 năm 2022 với hạn mức 1.122.000.000 VND, để thanh toán các chi phí đầu tư máy móc thiết bị theo Kế hoạch năm 2021(Trạm biến thế), thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 152/DN/BD/2022;
- Hợp đồng số 636/DN/TDH/2022 ngày 28 tháng 10 năm 2022 với hạn mức 2.200.000.000 VND, để thi công công trình Gói thầu mở rộng Mạng lưới cấp nước năm 2022 -MR1; Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ - GT01/22, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 371/VCBCT.KHBL;
- Hợp đồng số 655/DN/TDH/2022 ngày 14 tháng 11 năm 2022 với hạn mức 1.100.000.000 VND, để thi công công trình LD tuyến ống D.110, D.225 HDPE, D.220 PVC, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản được quy định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp số 383/VCBCT.KHBL.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	6.617.665.538	8.578.628.072
Trên 01 năm đến 05 năm	39.794.287.445	27.873.720.890
Cộng	46.411.952.983	36.452.348.962

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	16.533.075.166	14.844.138.586	(8.599.845.652)	(4.091.819.814)	18.685.548.286
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	11.340.645.724	13.016.600.000	(722.660.841)	(2.525.845.724)	21.108.739.159
Cộng	27.873.720.890	27.860.738.586	(9.322.506.493)	(6.617.665.538)	39.794.287.445

15c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.586.722.117	420.080.904	(201.020.720)	2.805.782.301
Quỹ phúc lợi	2.012.634.530	3.780.728.136	(5.175.784.466)	617.578.200
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	376.095.418	(376.095.418)	-
Cộng	4.599.356.647	4.576.904.458	(5.752.900.604)	3.423.360.501

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	117.733.160.000	5.451.078.844	36.969.394.380	160.153.633.224
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	18.969.083.610	18.969.083.610
Trích lập quỹ trong năm trước	-	11.023.560.207	(20.251.285.660)	(9.227.725.453)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(16.718.108.720)	(16.718.108.720)
Số dư cuối năm trước	117.733.160.000	16.474.639.051	18.969.083.610	153.176.882.661
Số dư đầu năm nay	117.733.160.000	16.474.639.051	18.969.083.610	153.176.882.661
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	15.073.543.756	15.073.543.756
Trích lập quỹ trong năm nay	-	4.831.937.952	(9.408.842.410)	(4.576.904.458)
Chia cổ tức năm nay	-	-	(8.005.854.880)	(8.005.854.880)
Số dư cuối năm nay	117.733.160.000	21.306.577.003	16.627.930.076	155.667.667.079

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân TP. Cần Thơ	57.689.260.000	57.689.260.000
Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	57.525.840.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch số 3 Hà Nội	-	57.525.840.000
Các đối tượng khác	2.518.060.000	2.518.060.000
Cộng	117.733.160.000	117.733.160.000

17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.773.316	11.773.316
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2022, Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức năm 2021 (42,20% lợi nhuận sau thuế)	8.005.854.880
• Trích Quỹ đầu tư phát triển (25,47% lợi nhuận sau thuế)	4.831.937.952
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (1,98% lợi nhuận sau thuế)	376.095.418
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (25,47% lợi nhuận sau thuế)	4.200.809.040
Cộng	17.414.697.290

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước sạch	98.561.962.939	93.576.861.403
Doanh thu lắp đặt	3.411.986.811	2.207.923.819
Doanh thu chuyển nhượng vật tư	324.796.981	193.609.346
Doanh thu công trình khách hàng	202.728.327	162.972.513
Doanh thu bán hàng khác	97.458.657	56.273.878
Cộng	102.598.933.715	96.197.640.959

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm xuất bán nước	61.932.707.262	55.613.219.258
Giá vốn lắp đặt	2.179.538.412	1.486.321.368
Giá vốn chuyển nhượng vật tư	258.274.371	166.863.394
Giá vốn công trình	61.656.331	93.204.384
Cộng	64.432.176.376	57.359.608.404

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi không kỳ hạn.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	2.473.769.522	1.006.347.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80.256.330	6.380.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.726.084	-
Cộng	2.682.751.936	1.012.727.724

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.657.587.681	9.776.459.349
Chi phí vật liệu quản lý	245.709.606	234.957.263
Chi phí đồ dùng văn phòng	346.816.724	718.444.458
Chi phí khấu hao tài sản cố định	698.570.680	677.370.016
Thuế, phí và lệ phí	468.969.665	140.627.529
Dự phòng phải thu khó đòi	242.885.241	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	671.419.929	858.605.206
Các chi phí khác	2.767.119.370	2.483.434.770
Cộng	<u>16.099.078.896</u>	<u>14.889.898.591</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	293.270.309	312.859.791
Tài trợ từ dự án Hà Lan	3.225.000.000	384.059.200
Thu nhập khác	-	344.754.578
Cộng	<u>3.518.270.309</u>	<u>1.041.673.569</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tư vấn, khảo sát công trình	167.993.838	183.266.004
Tiền chậm nộp ngân sách nhà nước	30.736.838	-
Chi phí lương chuyên gia dự án Hà Lan	216.250.000	-
Cộng	<u>414.980.676</u>	<u>183.266.004</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.643.060.327	5.997.826.423
Chi phí nhân công	27.739.684.352	28.334.449.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.613.882.518	22.845.601.906
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.210.149.189	10.461.954.896
Chi phí khác	7.098.901.223	5.608.201.034
Cộng	<u>83.305.677.609</u>	<u>73.248.033.672</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương, phụ cấp và tiền thưởng với tổng tiền lương trong năm là 2.747.305.000 VND (năm trước là 2.323.927.273 VND).

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.



Nguyễn Phương Thảo
Người lập biểu



Lê Thùy Ngân
Kế toán trưởng



Cần Thơ, ngày 27 tháng 02 năm 2023


Trần Thanh Phong
Giám đốc



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

www.a-c.com.vn

Head Office : 02 Truong Son St., Ward 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam

Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn